TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Phước.

2. Bà Dương Việt Thu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà PhanThị Mỹ Ghết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thục Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXX- ST ngày 02 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Kiều M**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Mới, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh **Phan Chí D,** sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Mới, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2018 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nguyên đơn là chị Phan Kiều M thể hiện: Chị và anh Phan Chí D chung sống với nhau vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống chị và anh D có 01 người con chung tên Phan Chí Đ, sinh năm 2001 đang sống chung với chị, nguyện vọng

của cháu Đ muốn sống cùng với chị M, chị M yêu cầu được nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Do vợ chồng chị bất đồng trong quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng chị đã sống ly thân khoảng hơn 02 năm nay.

Về tài sản chung: Chị xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì thêm.

- Đối với bị đơn anh Phan Chí D không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời, bản thân anh D cũng không có cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của chị Phan Kiều M theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng qui định của thủ tục tố tụng dân sự cho anh D nhưng anh D không đến Tòa án. Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Toà án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Phan Kiều M và anh Phan Chí Dũng là vợ chồng; giao cháu Phan Chí Đỉnh cho chị Mai nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Dũng không phải cấp dưỡng nuôi cháu Đỉnh, vì chị Mai không yêu cầu, anh Dũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Mai phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Phan Kiều M và bị đơn là anh Phan Chí D. Anh D có nơi cư trú tại ấp Vĩnh Mới, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa chị M và anh D đều vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, chị M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Kiều M và anh Phan Chí D chung sống với nhau vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về phía bị đơn anh Phan Chí D, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng dân sự cho anh D theo quy định, nhưng anh D vắng mặt xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, anh D cũng không nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ và văn bản trình bày ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu của chị M.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ cụ thể tại (Bút lục 05) việc chung sống giữa chị M và anh D là có xảy ra trên thực tế được địa phương xác nhận, quá trình chung sống có 01 đứa con tên Phan Chí Đ như đơn khởi kiện chị M trình bày là đúng.

Do đó, hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống giữa chị M và anh D không quan tâm xây dựng hạnh phúc, yêu thương nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, chẳng những không có biện pháp để khắc phục, dung hòa mà mâu thuẫn ngày càng lớn, từ đó dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng; chị M và anh D không còn tình cảm yêu thương với nhau thể hiện qua việc chị M, anh D đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh D, điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, chị M và anh D tự nguyện sống chung với nhau, không đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014, hôn nhân giữa chị M và anh D là không hợp pháp nên không công nhận chị M và anh D là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị M và anh D có người 01 con chung tên Phan Chí Đ, sinh ngày 02/02/2001, tại thời điểm xét xử cháu Đ đã đủ 18 tuổi. Lẽ ra, Hội đồng xét xử không xem xét về quan hệ con chung này, vì cháu Đ là người đã trưởng thành, nhưng trong hồ sơ thể hiện chị M yêu cầu được nuôi cháu Đ và nguyện vọng của cháu Đ muốn sống cùng với chị M. Hội đồng xét xử, ghi nhận sự tự nguyện nuôi con của chị M.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định không có tài sản chung và nợ chung, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; điểm a khoản 5 Điều 27; tiểu mục 1.1, mục 1 phần II danh mục án phí Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phan Kiều M và anh Phan Chí D là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Con đã trưởng thành.

3. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Phan Kiều M phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị M đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014529 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú hoặc được tống đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sư;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- UBND xã Vĩnh Thịnh, H. Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Oanh